

BẢNG ĐIỂM KỲ THI
CHỨNG CHỈ TIN HỌC ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN

Ngày Thi: 27/9/2026

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Giới tính	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
1	BKCB12095	Lê Thúy	An	21/11/1990	Nữ	8,0	5,33	Đạt	
2	BKCB12096	Nguyễn Hồng	An	01/12/2000	Nam	9,33	9,67	Đạt	
3	BKCB12097	Nguyễn Thị Kiều	An	23/06/2005	Nữ	9,33	8,33	Đạt	
4	BKCB12098	Nguyễn Phúc	Ân	29/10/2005	Nam				Vắng
5	BKCB12099	Nguyễn Hoàng Thái	An	04/01/2004	Nữ	8,0	7,67	Đạt	
6	BKCB12100	Bùi Phương	Anh	12/02/1996	Nữ	9,0	9,33	Đạt	
7	BKCB12101	Đào Vy Tuyết	Anh	21/02/2002	Nữ	9,67	9,0	Đạt	
8	BKCB12102	Lê Ngọc Mai	Anh	25/01/2006	Nữ	9,0	8,67	Đạt	
9	BKCB12103	Lý Thị Nguyên	Anh	09/09/2001	Nữ	9,0	7,67	Đạt	
10	BKCB12104	Nguyễn Đặng Minh	Anh	13/11/2007	Nam	8,0	5,0	Đạt	
11	BKCB12105	Nguyễn Kiều Quế	Anh	20/11/2006	Nữ	8,67	8,0	Đạt	
12	BKCB12106	Nguyễn Lan	Anh	13/10/2005	Nữ	8,0	9,33	Đạt	
13	BKCB12107	Phạm Thị Phương	Anh	30/07/2002	Nữ	6,67	8,67	Đạt	
14	BKCB12108	Phạm Thị Việt	Anh	20/05/2004	Nữ	6,0	7,67	Đạt	
15	BKCB12109	Trần Hoài	Anh	17/06/1991	Nữ				Vắng
16	BKCB12110	Vũ Minh	Anh	10/08/2000	Nữ	10,0	9,33	Đạt	
17	BKCB12111	Đinh Hoàng Kiều	Anh	08/05/2003	Nữ				Vắng
18	BKCB12112	Hà Thị Mai	Anh	07/06/2004	Nữ				Vắng
19	BKCB12113	Hoàng Phương	Anh	15/01/2005	Nữ	5,67	7,33	Đạt	
20	BKCB12114	Phan Ngọc	Ánh	12/11/2005	Nữ	9,33	9,0	Đạt	
21	BKCB12115	Chu Cao Quốc	Bảo	09/10/2003	Nam				Vắng
22	BKCB12116	Lê Xuân An	Bình	23/07/2006	Nam	5,0	5,67	Đạt	
23	BKCB12117	Ngô Mộng	Cầm	02/03/2006	Nữ	9,67	7,33	Đạt	
24	BKCB12118	Lê Nguyễn Hoàng	Châu	17/09/2009	Nữ	7,33	9,0	Đạt	
25	BKCB12119	Trần Ngọc Diễm	Châu	01/09/1991	Nữ	9,33	9,67	Đạt	
26	BKCB12120	Trương Ngọc Minh	Châu	08/08/2007	Nam				Vắng
27	BKCB12121	Trần Hải	Châu	03/10/2004	Nữ	7,67	9,33	Đạt	
28	BKCB12122	Trần Như Mỹ	Chuyên	01/12/2005	Nữ	8,33	8,0	Đạt	
29	BKCB12123	Nguyễn Trọng	Cường	26/05/1992	Nam	5,67	3,0	Không đạt	Không W,E
30	BKCB12124	Tạ Quốc	Cường	11/07/2001	Nam	9,67	8,67	Đạt	
31	BKCB12125	Võ Chí	Cường	05/01/2000	Nam	7,67	7,0	Đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Giới tính	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
32	BKCB12126	Vũ Văn	Cường	16/10/1986	Nam				Vắng
33	BKCB12127	Võ Thị Hồng	Dân	01/01/1991	Nữ	8,0	8,33	Đạt	
34	BKCB12128	Nguyễn Phạm Thu	Diễm	22/04/2002	Nữ	8,33	9,67	Đạt	
35	BKCB12129	Ngô Ngọc Bách	Diệp	11/01/2008	Nữ	9,0	9,67	Đạt	
36	BKCB12130	Đặng Thị Ngọc	Diệu	20/03/2000	Nữ	7,0	9,0	Đạt	
37	BKCB12131	Nguyễn Quốc	Dự	21/02/2006	Nam	9,0	8,0	Đạt	
38	BKCB12132	Đào Minh	Đức	17/01/2006	Nam	8,33	7,67	Đạt	
39	BKCB12133	Nguyễn Thái Anh	Đức	07/06/1999	Nam	7,67	7,67	Đạt	
40	BKCB12134	Huỳnh Nguyễn Phương	Dung	16/06/1994	Nữ	9,0	9,0	Đạt	
41	BKCB12135	Trần Hà Phương	Dung	18/05/1984	Nữ	10,0	9,67	Đạt	
42	BKCB12136	Nguyễn Duy	Dũng	22/12/1986	Nam	7,33	6,0	Đạt	
43	BKCB12137	Đỗ Thị Thùy	Dương	21/07/2001	Nữ	9,67	6,67	Đạt	
44	BKCB12138	Nguyễn Ánh	Dương	18/02/2007	Nữ	8,67	5,0	Đạt	
45	BKCB12139	Nguyễn Đăng	Dương	01/04/1998	Nam	8,0	5,33	Đạt	
46	BKCB12140	Nguyễn Ngọc Thuỳ	Dương	15/04/1990	Nữ	9,0	8,67	Đạt	
47	BKCB12141	Phan Thuỳ	Dương	02/05/1992	Nữ	8,0	9,0	Đạt	
48	BKCB12142	Trần Văn	Dương	01/06/1986	Nam	6,33	4,0	Không đạt	
49	BKCB12143	Phan Nguyễn Quốc	Duy	29/10/1999	Nam				Vắng
50	BKCB12144	Trần Anh	Duy	17/08/1999	Nam	7,0	8,0	Đạt	
51	BKCB12145	Trần Đình	Duy	26/04/1997	Nam	9,67	9,5	Đạt	
52	BKCB12146	Phan Trúc	Giang	10/11/2005	Nữ	9,0	9,33	Đạt	
53	BKCB12147	Nguyễn Trà	Giang	01/01/2003	Nữ	9,67	7,33	Đạt	
54	BKCB12148	Phan Nguyễn Thanh	Hà	18/02/1986	Nữ				Vắng
55	BKCB12149	Trần Thị Thu	Hà	15/05/2005	Nữ	9,33	7,0	Đạt	
56	BKCB12150	Trần Thị Kiều	Hạ	05/06/2003	Nữ	8,33	9,0	Đạt	
57	BKCB12151	Lê Bá Ngọc	Hân	21/10/1996	Nữ	9,67	8,67	Đạt	
58	BKCB12152	Lê Bảo	Hân	20/12/2006	Nữ	9,33	7,0	Đạt	
59	BKCB12153	Phạm Nguyễn Gia	Hân	28/10/2007	Nữ	7,33	7,0	Đạt	
60	BKCB12154	Trần Khánh	Hân	08/10/2007	Nữ	8,67	6,33	Đạt	
61	BKCB12155	Châu Thị Mỹ	Hạnh	12/06/2001	Nữ				Vắng
62	BKCB12156	Nguyễn Gia	Hào	19/07/2006	Nam	8,0	6,0	Đạt	
63	BKCB12157	Hồ Phương Ái	Hậu	20/12/2005	Nữ	10,0	9,0	Đạt	
64	BKCB12158	Huỳnh Thị Kim	Hiền	13/06/2004	Nữ	9,0	8,33	Đạt	
65	BKCB12159	Đặng Thị Ngọc	Hiền	10/01/2002	Nữ	6,67	6,0	Đạt	
66	BKCB12160	Phan Nguyễn Long	Hồ	05/10/2001	Nam	10,0	8,33	Đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Giới tính	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
67	BKCB12161	Nguyễn Thị Trung	Hoa	20/10/2008	Nữ	10,0	8,33	Đạt	
68	BKCB12162	Trương Thị Kim	Hoa	22/01/2006	Nữ	5,67	5,33	Đạt	
69	BKCB12163	Đoàn Ngọc Khải	Hoàng	09/07/2004	Nam	8,67	9,0	Đạt	
70	BKCB12164	Mai Thị Kim	Hoàng	30/11/2005	Nữ	10,0	9,33	Đạt	
71	BKCB12165	Chung Nghiệp	Huân	24/05/1987	Nam	7,67	7,33	Đạt	
72	BKCB12166	Đoàn Nguyễn Kim	Hương	30/01/2006	Nữ	9,0	9,33	Đạt	
73	BKCB12167	Trần Quỳnh	Hương	23/11/2005	Nữ	8,67	7,67	Đạt	
74	BKCB12168	Nguyễn Thị Cẩm	Hường	21/04/2005	Nữ	9,33	5,67	Đạt	
75	BKCB12169	Nguyễn Thị Mỹ	Hường	10/03/2008	Nữ	8,67	9,0	Đạt	
76	BKCB12170	Trần Ngọc	Hường	23/03/2006	Nữ	8,67	1,67	Không đạt	
77	BKCB12171	Chu Cao Quốc	Huy	09/10/2003	Nam				Vắng
78	BKCB12172	Hồ Nhật	Huy	13/09/2005	Nam	8,67	5,0	Đạt	
79	BKCB12173	Kiều Việt	Huy	19/07/2004	Nam	4,67	0,0	Không đạt	Không thực hành
80	BKCB12174	Lê Khắc	Huy	01/02/1980	Nam	5,67	3,0	Không đạt	
81	BKCB12175	Nguyễn Khắc	Huy	11/04/2002	Nam				Vắng
82	BKCB12176	Trần Thu	Huyền	05/04/2002	Nữ	7,67	8,67	Đạt	
83	BKCB12177	Nguyễn Quang	Hy	03/09/2001	Nam	9,67	9,67	Đạt	
84	BKCB12178	Lâm Phúc	Khang	07/04/2000	Nam	8,0	9,0	Đạt	
85	BKCB12179	Lê Nhật Phương	Khanh	04/03/1999	Nữ	8,33	9,33	Đạt	
86	BKCB12180	Nguyễn Hồ Việt	Khoa	10/10/2003	Nam	8,67	8,0	Đạt	
87	BKCB12181	Trần Anh	Khoa	05/07/1997	Nam	6,0	7,0	Đạt	
88	BKCB12182	Trần Minh	Khoa	30/12/2006	Nam	8,67	9,0	Đạt	
89	BKCB12183	Lý Hoàng	Khôi	01/12/2005	Nam	9,33	9,33	Đạt	
90	BKCB12184	Phạm Anh	Khôi	21/02/2006	Nam	10,0	9,0	Đạt	
91	BKCB12185	Đặng Thị Diễm	Kiều	13/10/2006	Nữ	9,67	7,33	Đạt	
92	BKCB12186	Nguyễn Thị Mỹ	Kim	12/02/2006	Nữ	10,0	9,0	Đạt	
93	BKCB12187	Trương Tương	Lai	25/03/1999	Nam	6,0	3,67	Không đạt	
94	BKCB12188	Nguyễn Thị Trúc	Lam	02/04/2006	Nữ	10,0	9,33	Đạt	
95	BKCB12189	Nguyễn Thọ Hoàng	Lâm	23/06/2004	Nam	7,67	6,67	Đạt	
96	BKCB12190	Hoàng Ngọc	Lan	20/03/2006	Nữ	8,67	6,33	Đạt	
97	BKCB12191	Nguyễn Thị Phương	Lan	29/12/1990	Nữ	8,33	8,33	Đạt	
98	BKCB12192	Lê Nguyễn Cẩm	Lên	26/01/2006	Nữ	8,67	8,0	Đạt	
99	BKCB12193	Hà Thanh	Liêm	26/08/1993	Nam	8,33	8,33	Đạt	
100	BKCB12194	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	03/01/2002	Nữ	9,67	9,0	Đạt	
101	BKCB12195	Trần Khánh	Linh	06/04/2006	Nữ	9,33	7,67	Đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Giới tính	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
102	BKCB12196	Trương Thị Kim	Loan	31/07/2005	Nữ	9,67	9,33	Đạt	
103	BKCB12197	Võ Tấn	Lộc	18/05/2007	Nam	7,33	7,67	Đạt	
104	BKCB12198	Ngô Công	Lý	13/07/1993	Nam	6,33	8,67	Đạt	
105	BKCB12199	Trần Huỳnh Thiên	Lý	22/02/1998	Nữ	9,0	8,33	Đạt	
106	BKCB12200	Lê Nguyễn Hồng	Mai	28/09/2006	Nữ	8,67	7,33	Đạt	
107	BKCB12201	Lê Thị Hoa	Mai	09/12/2000	Nữ	9,0	6,0	Đạt	
108	BKCB12202	Nguyễn Ngọc Thanh	Mai	24/04/2000	Nữ	8,67	9,0	Đạt	
109	BKCB12203	Nguyễn Quỳnh Trúc	Mai	05/11/2006	Nữ	9,33	9,0	Đạt	
110	BKCB12204	Trần Hồ Nguyệt	Minh	10/09/1995	Nữ	8,33	9,33	Đạt	
111	BKCB12205	Nguyễn Ngọc Lệ	My	16/06/2004	Nữ	8,0	7,67	Đạt	
112	BKCB12206	Nguyễn Thị Trà	My	22/08/2006	Nữ	8,67	5,67	Đạt	
113	BKCB12207	Trần Thị Hà	My	23/09/2006	Nữ	9,0	9,0	Đạt	
114	BKCB12208	Đinh Hồ	Nam	26/11/1987	Nam	7,67	8,0	Đạt	
115	BKCB12209	Ngô Trung	Nam	25/04/2007	Nam	5,67	6,67	Đạt	
116	BKCB12210	Nguyễn Ngọc Minh	Nam	02/01/2007	Nam	4,0	0,0	Không đạt	
117	BKCB12211	Bùi Thị Kim	Ngân	08/05/2004	Nữ	5,67	7,33	Đạt	
118	BKCB12212	Nguyễn Lê Phương	Ngân	19/04/2005	Nữ	10,0	9,33	Đạt	
119	BKCB12213	Phan Thị Thu	Ngân	06/02/2006	Nữ	9,67	9,17	Đạt	
120	BKCB12214	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	09/09/1998	Nữ	7,33	8,33	Đạt	
121	BKCB12215	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	01/01/2001	Nữ	9,0	9,67	Đạt	
122	BKCB12216	Phạm Thái	Nguyên	11/08/2000	Nam	9,0	9,0	Đạt	
123	BKCB12217	Nguyễn Văn	Nhã	24/07/2007	Nam	10,0	9,0	Đạt	
124	BKCB12218	Đinh Thị Mỹ	Nhàn	21/11/2005	Nữ	8,33	9,33	Đạt	
125	BKCB12219	Lê Thanh	Nhân	09/09/1996	Nam	9,33	9,67	Đạt	
126	BKCB12220	Son Trung	Nhân	01/08/2000	Nam	8,33	9,0	Đạt	
127	BKCB12221	Nguyễn Minh	Nhật	14/07/1992	Nam	8,0	8,67	Đạt	
128	BKCB12222	Hồ Lâm Tuyết	Nhi	19/09/2004	Nữ	6,33	6,67	Đạt	
129	BKCB12223	Hồ Thảo	Nhi	30/07/2004	Nữ	9,67	6,67	Đạt	
130	BKCB12224	Lê Nguyễn Ngọc	Nhi	24/03/2008	Nữ				Vắng
131	BKCB12225	Nguyễn Thị Hồng	Nhi	17/04/2001	Nữ	10,0	9,67	Đạt	
132	BKCB12226	Phạm Nguyễn Uyên	Nhi	21/12/2006	Nữ	6,0	9,33	Đạt	
133	BKCB12227	Phạm Thị Yên	Nhi	24/05/2006	Nữ	10,0	9,0	Đạt	
134	BKCB12228	Phan Thị Yên	Nhi	04/01/2006	Nữ	8,33	6,33	Đạt	
135	BKCB12229	Nguyễn Kim	Như	27/10/2004	Nữ	9,0	9,33	Đạt	
136	BKCB12230	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	07/08/1999	Nữ	9,0	6,33	Đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Giới tính	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
137	BKCB12231	Trương Huỳnh	Như	02/05/2006	Nữ	9,25	5,33	Đạt	
138	BKCB12232	Nguyễn Hồng	Nhung	05/03/2007	Nữ	8,67	6,67	Đạt	
139	BKCB12233	Dương Thị	Nở	05/10/1991	Nữ	9,0	7,67	Đạt	
140	BKCB12234	Hoàng Chung	Phong	02/05/2001	Nam	6,0	5,67	Đạt	
141	BKCB12235	Lê Hoàng	Phúc	02/04/2004	Nam	9,67	7,0	Đạt	
142	BKCB12236	Đoàn Thị Ngọc	Phương	28/05/2000	Nữ	10,0	9,67	Đạt	
143	BKCB12237	Nguyễn Minh	Phương	12/05/1983	Nam	7,33	6,67	Đạt	
144	BKCB12238	Phạm Bình	Phương	16/01/2006	Nam	8,0	6,33	Đạt	
145	BKCB12239	Trần Huỳnh Quế	Phương	26/02/1999	Nữ	10,0	9,33	Đạt	
146	BKCB12240	Đỗ Thu	Phượng	13/03/2001	Nữ	9,0	8,0	Đạt	
147	BKCB12241	Lê Đức	Quang	23/09/1998	Nam	8,33	8,33	Đạt	
148	BKCB12242	Võ Nhật	Quang	19/01/1992	Nam	8,67	6,0	Đạt	
149	BKCB12243	Phan Thị Mỹ	Quyên	14/01/2003	Nữ	8,67	7,33	Đạt	
150	BKCB12244	Lê Nhật	Quỳnh	19/10/2005	Nữ	10,0	8,67	Đạt	
151	BKCB12245	Lê Thành	Tài	01/03/2004	Nam	9,0	6,67	Đạt	
152	BKCB12246	Phùng Quốc	Tân	03/12/2005	Nam	4,33	4,33	Không đạt	
153	BKCB12247	Phan Quốc	Thà	14/05/2001	Nam	9,0	9,33	Đạt	
154	BKCB12248	Nguyễn Trần Vân	Thanh	01/12/1999	Nữ	10,0	8,67	Đạt	
155	BKCB12249	Đặng Hoàng Vi	Thảo	06/02/2004	Nữ	10,0	8,0	Đạt	
156	BKCB12250	Nguyễn Ngọc	Thảo	11/12/1999	Nữ	5,0	6,33	Đạt	
157	BKCB12251	Nguyễn Phương	Thảo	11/03/2005	Nữ	9,0	7,33	Đạt	
158	BKCB12252	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	05/04/2006	Nữ	9,33	6,33	Đạt	
159	BKCB12253	Trương Nguyễn Thanh	Thảo	21/12/2005	Nữ	9,67	9,0	Đạt	
160	BKCB12254	Nguyễn Hữu	Thọ	18/03/2004	Nam	7,33	7,0	Đạt	
161	BKCB12255	Phạm Kim	Thoảng	02/05/2006	Nữ	8,33	6,67	Đạt	
162	BKCB12256	Dương Ngọc Minh	Thư	29/01/2004	Nữ	9,0	6,67	Đạt	
163	BKCB12257	Nguyễn Anh	Thư	25/08/2007	Nữ	7,67	8,0	Đạt	
164	BKCB12258	Nguyễn Thị Huệ	Thư	22/05/2006	Nữ	9,33	8,0	Đạt	
165	BKCB12259	Trần Ngọc	Thường	01/11/2010	Nam	7,33	9,0	Đạt	
166	BKCB12260	Thân Thị Thu	Thùy	08/04/2006	Nữ	10,0	8,33	Đạt	
167	BKCB12261	Huỳnh Ngọc	Tiên	07/11/2006	Nữ	9,33	8,67	Đạt	
168	BKCB12262	Nghiêm Bích Thủy	Tiên	13/02/2006	Nữ	7,67	6,67	Đạt	
169	BKCB12263	Phạm Thị Thủy	Tiên	15/06/2006	Nữ	7,67	6,67	Đạt	
170	BKCB12264	Doãn Quyết	Tiến	06/10/2004	Nam	6,0	6,0	Đạt	
171	BKCB12265	Nguyễn Minh	Tiến	17/03/1999	Nam	8,33	9,0	Đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Giới tính	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
172	BKCB12266	Nguyễn Thị Thanh	Tiền	25/09/2006	Nữ	3,0	0,0	Không đạt	Không thực hành
173	BKCB12267	Ngô Thị Ngọc	Trâm	25/03/2006	Nữ	9,67	6,67	Đạt	
174	BKCB12268	Huỳnh Huyền	Trân	05/01/2003	Nữ	10,0	5,67	Đạt	
175	BKCB12269	Nguyễn Ngọc	Trân	01/02/1995	Nam	8,0	7,33	Đạt	
176	BKCB12270	Nguyễn Thanh Huyền	Trân	27/03/2006	Nữ	8,67	7,67	Đạt	
177	BKCB12271	Trịnh Mỹ	Trân	20/01/1998	Nữ	7,67	6,67	Đạt	
178	BKCB12272	Lê Thị Huyền	Trang	25/09/2006	Nữ	6,33	3,33	Không đạt	
179	BKCB12273	Trương Thị Mỹ	Trang	06/08/2007	Nữ	9,0	8,0	Đạt	
180	BKCB12274	Lê Lâm Hải	Triều	27/09/2004	Nữ	9,33	9,0	Đạt	
181	BKCB12275	Nguyễn Huỳnh Thanh	Trúc	22/02/2009	Nữ	10,0	6,33	Đạt	
182	BKCB12276	Lâm Huỳnh	Trung	07/06/1984	Nam	7,33	5,33	Đạt	
183	BKCB12277	Dương Thị	Tú	05/10/2000	Nữ	9,33	8,33	Đạt	
184	BKCB12278	Trần Phạm Cẩm	Tú	26/08/2006	Nữ	9,67	6,67	Đạt	
185	BKCB12279	Lưu Kỳ Minh	Tú	10/03/2003	Nữ	9,33	6,67	Đạt	
186	BKCB12280	Đặng Đình	Tuấn	11/05/1985	Nam	9,33	7,33	Đạt	
187	BKCB12281	Lê Đức Anh	Tuấn	08/12/2006	Nam	9,67	7,33	Đạt	
188	BKCB12282	Nguyễn Anh	Tuấn	18/05/1998	Nam	7,67	3,67	Không đạt	
189	BKCB12283	Ngô Minh	Tùng	20/05/1972	Nam	8,67	5,33	Đạt	
190	BKCB12284	Đặng Thị	Tuyền	27/05/2005	Nữ	9,33	7,33	Đạt	
191	BKCB12285	Nguyễn Thị Ngọc	Tuyết	16/07/2007	Nữ	9,0	8,0	Đạt	
192	BKCB12286	Nguyễn Ngọc Thảo	Uyên	14/03/2007	Nữ	8,0	7,33	Đạt	
193	BKCB12287	Huỳnh Cẩm	Vân	17/01/2003	Nữ	8,67	6,67	Đạt	
194	BKCB12288	Cao Tâm	Văn	01/06/1986	Nam				Vắng
195	BKCB12289	Phạm Ngọc Thảo	Vi	13/07/1983	Nữ	9,0	8,67	Đạt	
196	BKCB12290	Trần Nguyên	Vũ	04/11/2006	Nam	9,5	7,0	Đạt	
197	BKCB12291	Lê Nguyễn Tường	Vy	21/06/2006	Nữ	8,33	5,67	Đạt	
198	BKCB12292	Lý Thúy	Vy	08/07/2000	Nữ	8,67	8,0	Đạt	
199	BKCB12293	Nguyễn Ngọc Khánh	Vy	02/01/2007	Nữ	6,25	6,33	Đạt	
200	BKCB12294	Nguyễn Nhật Bảo	Vy	28/04/2006	Nữ	10,0	8,33	Đạt	
201	BKCB12295	Lê Hoàng Gia	Vỹ	23/10/2001	Nam	10,0	7,33	Đạt	
202	BKCB12296	Kiều Thị Mỹ	Xuyến	24/05/2005	Nữ				Vắng
203	BKCB12297	Nguyễn Bửu	Xuyến	04/01/2006	Nữ	9,0	6,67	Đạt	
204	BKCB12298	Hồ Thị Như	Ý	14/09/2006	Nữ	9,67	6,33	Đạt	
205	BKCB12299	Nguyễn Thành Như	Ý	04/07/2011	Nữ	6,33	7,33	Đạt	
206	BKCB12300	Nguyễn Bình	Yên	27/11/2008	Nữ	7,67	7,0	Đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Giới tính	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
207	BKCB12301	Nguyễn Thị Hoàng	Yến	11/12/2005	Nữ	0,0	8,67	Không đạt	

Kết quả Đạt: Điểm lý thuyết (Trắc nghiệm) ≥ 5 và Điểm thực hành ≥ 5

Số lượng thí sinh:

207

Số lượng hiện diện:

192

Số thí sinh đạt:

180

Thư ký Hội đồng

Chủ tịch Hội đồng

Ngô Quang Nhựt

Thoại Nam